

Form 08_CBT/SGDHN

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on, 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG
TIÊU DÙNG MASAN
MASAN CONSUMER
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 07284 /2025/CV-MSC
No: /

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2025
....., day ... month ... year

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**To: State Securities Commission
Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

- Mã chứng khoán/Stock code: MCH

- Địa chỉ/Address: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028. 62555660

Fax: 028. 38109463

- E-mail: information@msc.masangroup.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
Report on issuance results under ESOP.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/7/2025 tại đường dẫn <https://masanconsumer.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/> This information was published on the company's website on 28 July 2025, as in the link <https://masanconsumer.com/en/investor-relations/information-disclosure/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



*** Tài liệu đính kèm/Attached documents:**
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin
công bố/Documents on disclosed
information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Đỗ Thị Hoàng Yến



Số: 07.281/2025/BC

TP. HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
2. Tên viết tắt: Masan Consumer Corp.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước ngày 01/07/2025 là Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)
4. Điện thoại: (84.28) 62 555 660 Fax: (84.28) 38 109 463 Website: <https://www.masanconsumer.com/>
5. Vốn điều lệ: 10.623.648.220.000 đồng.
6. Mã cổ phiếu: MCH
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Sài Gòn Số hiệu tài khoản: 102.1020.0715.015
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/5/2000, do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 52 ngày 11/04/2025.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): không có.

II. Phương án phát hành

1. Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
2. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.062.364.822 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.051.449.434 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 10.915.388 cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.256.000 cổ phiếu, tương ứng 0,4999% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
6. Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 10.000 đồng/cổ phiếu.
7. Ngày kết thúc đợt phát hành: 28/7/2025
8. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Tháng 8, 9/2025

III. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 5.255.924 cổ phiếu, tương ứng 99,9986% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 914 người lao động
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 28/7/2025): 1.067.620.746 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.056.705.358 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 10.915.388 cổ phiếu.

IV. Tài liệu gửi kèm

1. Danh sách người lao động mua cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
2. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành.

TP. HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
CHỦ TỊCH HĐQT



**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG MUA CỔ PHẦN THEO
CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐÃ MUA
1.	Biện Đình Thuận	5.927
2.	Bùi Chí Hiếu	607
3.	Bùi Đức Quý	194
4.	Bùi Duy Hiếu	1.741
5.	Bùi Hữu Phi	11.059
6.	Bùi Huy Nhích	441
7.	Bùi Long Quân	406
8.	Bùi Minh Phương	938
9.	Bùi Nguyễn Huy Hoàng	6.047
10.	Bùi Nhật Thiên Trang	339
11.	Bùi Thanh Tuấn	53
12.	Bùi Thị Hồng	483
13.	Bùi Thị Kim Thoa	114
14.	Bùi Thị Kim Thúy	1.451
15.	Bùi Thị Mai	58
16.	Bùi Thị Thu Trang	8.968
17.	Bùi Thị Thủy	303
18.	Bùi Văn Hương	28.728
19.	Bùi Việt Hà	6.961
20.	Ca Hữu Phước	441
21.	Cầm Đình Hoan	435
22.	Cao Minh Châu	760
23.	Cao Phương Thanh	3.202
24.	Cao Thị Trang	8.917
25.	Cao Thúy Hạnh	7.292
26.	Cao Trần Đăng Khoa	612
27.	Cao Văn Thìn	118
28.	Cao Việt Cường	1.951
29.	Châu Huỳnh Lộc	253
30.	Châu Nguyên Tấn	303
31.	Chu Thành Đạt	290
32.	Chu Văn Hậu	72
33.	Đàm Thị Bích Thu	248
34.	Đặng Đức Biên	182
35.	Đặng Đức Đạt	2.816
36.	Đặng Huyền Trâm	3.388
37.	Đặng Long Vân	988
38.	Đặng Minh Tấn	407
39.	Đặng Ngọc Tuyết	134
40.	Đặng Thị Bạch Thu	464
41.	Đặng Thị Kiều Diễm	226
42.	Đặng Thị Kim Quý	3.689
43.	Đặng Thị Quỳnh Trang	500
44.	Đặng Thị Thu Hà	187
45.	Đặng Thị Thu Tuyết	368
46.	Đặng Thị Thục Vy	468
47.	Đặng Thị Trang	1.509
48.	Đặng Thị Trang Nhung	269

49.	Đặng Uẩn Anh	523
50.	Đặng Văn Đức Thắng	2.321
51.	Đặng Văn Toàn	178
52.	Đào Đức Cường	1.185
53.	Đào Thị Hồng Trang	156
54.	Đào Thị Thanh Hương	226.869
55.	Đào Văn Bảy	1.819
56.	Đào Xuân Hương	232
57.	De Abreu Moure Guilherme	21.677
58.	Đinh Công Ty	1.555
59.	Đinh Gia Khánh	455
60.	Đinh Hồng Vân	57.757
61.	Đinh Huỳnh Việt	5.400
62.	Đinh Sỹ Đạt	1.452
63.	Đinh Thị Ngọc Mỹ	525
64.	Đinh Thị Trúc Lam	473
65.	Đinh Viết Thịnh	1.451
66.	Đỗ Đình Dũng	185
67.	Đỗ Đức Huy	394
68.	Đỗ Duy Vương	445
69.	Đỗ Minh Trí	220
70.	Đỗ Ngọc Bảo	8.824
71.	Đỗ Ngọc Huyền	130
72.	Đỗ Phúc Nguyên	1.717
73.	Đỗ Phước Thiện	3.673
74.	Đỗ Tấn Chinh	507
75.	Đỗ Thanh Bình	461
76.	Đỗ Thị Hương	715
77.	Đỗ Thị Khánh Phương	7.388
78.	Đỗ Thị Ngọc Trâm	2.420
79.	Đỗ Thị Phương Chi	1.744
80.	Đỗ Thị Thanh Nhân	468
81.	Đỗ Thị Thúy Quy	2.738
82.	Đỗ Thị Xuân Anh	23.298
83.	Đỗ Triết Nhân	2.048
84.	Đỗ Tuấn Tú	1.226
85.	Đỗ Văn Cường	1.451
86.	Đỗ Văn Đức	870
87.	Đỗ Văn Hà	2.407
88.	Đỗ Văn Quận	4.451
89.	Đoàn Kiệt Trung	455
90.	Đoãn Lâm Phương Ngọc	7.587
91.	Đoàn Minh Phong	9.843
92.	Đoàn Minh Quân	732
93.	Đoàn Ngọc Hà	539
94.	Đoàn Quang Nhật	251
95.	Đoàn Quang Vinh	503
96.	Đoàn Quốc Hưng	47.118
97.	Đoàn Thị Hà	626
98.	Đoàn Thị Kim Thoa	3.108
99.	Đoàn Thị Lan Hồng	478
100.	Đoàn Trọng Thuận	3.634
101.	Đoàn Tùng Linh	1.517

102.	Đoàn Văn Trường	882
103.	Dương Anh Tuấn	1.083
104.	Dương Đình Bảo Nhân	6.961
105.	Dương Gia Hân	224
106.	Dương Mỹ Xuân	7.224
107.	Dương Quang Phẩm	333
108.	Dương Thị Hoàng Yến	7.799
109.	Dương Thị Hồng Vân	6.575
110.	Dương Thị Minh Hiền	203
111.	Dương Thị Ngọc Quyên	3.945
112.	Dương Thị Phương Hằng	2.093
113.	Dương Thị Tĩnh	827
114.	Dương Thị Yến Linh	2.031
115.	Dương Vũ Minh Hiền	1.451
116.	Dương Vũ Nhật Duy	145
117.	Dương Xuân Nhân	473
118.	Hà Huy Khánh	773
119.	Hà Ngọc Tâm	1.935
120.	Hà Tấn Nhất	1.686
121.	Hà Thị Hồng Trang	510
122.	Hà Thị Hương	467.197
123.	Hà Thị Nhung	451
124.	Hà Thị Quỳnh Nga	1.813
125.	Hồ An Hải	3.688
126.	Hồ Anh Vũ	5.309
127.	Hồ Đạo	531
128.	Hồ Đức Toàn	3.045
129.	Hồ Hạ Mai Trâm	570
130.	Hồ Ngọc An	1.451
131.	Hồ Ngọc Quang	428
132.	Hồ Ngọc Tiến Anh	377
133.	Hồ Nguyễn Phương Uyên	9.344
134.	Hồ Tân	3.502
135.	Hồ Thanh Hoàng	6.967
136.	Hồ Thị Ngọc Anh	519
137.	Hồ Thị Như Quỳnh	172
138.	Hồ Thị Thu Diệu	356
139.	Hồ Thị Thủy Linh	525
140.	Hồ Thúy Hạnh	297.470
141.	Hồ Xuân Bắc	448
142.	Hòa Quang Nam	1.185
143.	Hoàng Anh Tiến	1.157
144.	Hoàng Anh Tuấn	6.623
145.	Hoàng Bảo Hiếu	309
146.	Hoàng Khánh Linh	1.645
147.	Hoàng Lý Kim Yến	725
148.	Hoàng Nghĩa Cường	371
149.	Hoàng Quang Đạo	10.177
150.	Hoàng Thị Bích Thủy	5.323
151.	Hoàng Thị Hiền	275
152.	Hoàng Thị Hiền	91
153.	Hoàng Thị Huyền	2.463
154.	Hoàng Thị Ngọc	565

155.	Hoàng Thị Ngọc Lan	686
156.	Hoàng Thị Thủy Tiên	490
157.	Hoàng Tổ Quyên	3.227
158.	Hoàng Trần Nhật Anh	426
159.	Hoàng Trung Hiếu	2.649
160.	Hoàng Trung Thông	1.913
161.	Hoàng Tuấn Hưng	230
162.	Hoàng Tùng Lâm	2.675
163.	Hứa Thị Hằng	661
164.	Hứa Thị Thu Thảo	1.480
165.	Huỳnh Công Hào	632
166.	Huỳnh Công Hoàn	20.493
167.	Huỳnh Hồng Hà	159
168.	Huỳnh Hữu Hậu	114
169.	Huỳnh Lê Kim Lâm	471
170.	Huỳnh Lê Minh Nhựt	71
171.	Huỳnh Lương Việt	124
172.	Huỳnh Ngọc Bảo	17.680
173.	Huỳnh Nguyễn Hiếu Dân	13.101
174.	Huỳnh Phúc Sử	459
175.	Huỳnh Quốc Minh	700
176.	Huỳnh Tấn Vũ	545
177.	Huỳnh Thành Đô	2.902
178.	Huỳnh Thanh Quốc	774
179.	Huỳnh Thị Ánh Thư	827
180.	Huỳnh Thị Diệu Trang	1.089
181.	Huỳnh Thị Đoan Trang	20.257
182.	Huỳnh Thị Kim Anh	2.906
183.	Huỳnh Thị Nữ	2.449
184.	Huỳnh Thị Thanh Kiều	9.472
185.	Huỳnh Thị Thu Nhân	220
186.	Huỳnh Thị Thùy Dương	419
187.	Huỳnh Thị Thùy Trang	410
188.	Huỳnh Thị Trúc Giang	496
189.	Huỳnh Thiện Nhân	1.482
190.	Huỳnh Thục Phương	2.902
191.	Huỳnh Trần Như Thảo	2.871
192.	Huỳnh Tuấn Kiệt	69
193.	Huỳnh Việt Thắng	65.382
194.	Huỳnh Yên Thanh	46
195.	Kaushal Agarwal	6.382
196.	Khru Nguyễn Thị Minh Nhung	329
197.	Khru Thị Mai Thu	3.161
198.	Kiều Trí Thịnh	423
199.	Lâm Hoàng Thái	666
200.	Lâm Minh Dũng	7.535
201.	Lâm Ngọc Phương	246
202.	Lâm Nguyễn Duy Anh	275
203.	Lâm Nguyễn Tú Linh	401
204.	Lâm Thanh Bình	4.177
205.	Lâm Thế Vinh	544
206.	Lâm Thị Lệ Sương	8.824
207.	Lâm Thư Lộc	644

208.	Lâm Tuấn Nghĩa	4.142
209.	Lâm Văn Chính	2.706
210.	Lê Anh Thoại	161
211.	Lê Cảnh Hạng	7.771
212.	Lê Cao Long	46
213.	Lê Công Danh	333
214.	Lê Công Hậu	1.451
215.	Lê Diệu Quỳnh	2.902
216.	Lê Đình Bảo Châu	1.604
217.	Lê Đình Pháp	322
218.	Lê Đình Thịnh	9.379
219.	Lê Đình Thọ	346
220.	Lê Doãn Hải	1.581
221.	Lê Duy Hải	531
222.	Lê Hoàng Đệ	5.167
223.	Lê Hoàng Phúc	8.566
224.	Lê Hồng Phúc	253
225.	Lê Hùng Vương	14.546
226.	Lê Minh Chính	91
227.	Lê Minh Duy	1.278
228.	Lê Minh Tâm	761
229.	Lê Ngọc Chuyên	6.523
230.	Lê Ngọc Lâm	2.230
231.	Lê Ngọc Phương Linh	1.596
232.	Lê Ngọc Trang	1.542
233.	Lê Nguyễn Thành Vinh	10.180
234.	Lê Nguyễn Tuyết Hằng	4.151
235.	Lê Nhật Bằng	265
236.	Lê Nhật Duy	188
237.	Lê Phạm Hậu	1.015
238.	Lê Phương Minh Châu	7.343
239.	Lê Phương Thảo	317
240.	Lê Phương Tuyền	578
241.	Lê Quốc Huy	625
242.	Lê Tấn Bình	444
243.	Lê Tấn Phát	677
244.	Lê Tấn Thảo	269
245.	Lê Thái Toàn	931
246.	Lê Thanh Cường	1.966
247.	Lê Thành Long	5.808
248.	Lê Thanh Tân	2.843
249.	Lê Thị Ái Lan	222
250.	Lê Thị Bảo Khánh	10.499
251.	Lê Thị Diệu	564
252.	Lê Thị Đức	224
253.	Lê Thị Duyên	3.942
254.	Lê Thị Hoa	208
255.	Lê Thị Hoài	4.122
256.	Lê Thị Kim Khánh	464
257.	Lê Thị Kim Ngân	116
258.	Lê Thị Kim Thoa	1.451
259.	Lê Thị Lệ Quyên	385
260.	Lê Thị Loan	291

261.	Lê Thị Luyện	1.214
262.	Lê Thị Nga	477.741
263.	Lê Thị Ngoan	261
264.	Lê Thị Ngọc Trang	1.173
265.	Lê Thị Phương Thy	12.984
266.	Lê Thị Tâm	1.654
267.	Lê Thị Thanh Hằng	544
268.	Lê Thị Thanh Huyền	266
269.	Lê Thị Thanh Mai	2.176
270.	Lê Thị Thảo	377
271.	Lê Thị Thu	2.488
272.	Lê Thị Thu Hồng	354
273.	Lê Thị Thu Liên	46
274.	Lê Thị Trang	552
275.	Lê Thị Trọng Đoan	7.680
276.	Lê Thị Tường Vân	387
277.	Lê Thị Xuân Trang	1.326
278.	Lê Thuận	557
279.	Lê Thụy Nhật Linh	3.980
280.	Lê Tiến Nhật	1.038
281.	Lê Trọng Hà	330
282.	Lê Từ Huân	3.173
283.	Lê Văn An	5.107
284.	Lê Văn Chí	478
285.	Lê Văn Hải	2.709
286.	Lê Văn Lộc	2.312
287.	Lê Văn Minh	2.951
288.	Lê Văn Phú	282
289.	Lê Viết Bảo	1.305
290.	Liễu Huỳnh Duy Khanh	670
291.	Lư Mai Trang	3.002
292.	Lư Muối	365
293.	Lục Thế Quang	1.554
294.	Lương Minh Đức	5.165
295.	Lương Quốc Vinh	457
296.	Lương Thị Diễm Quỳnh	2.887
297.	Lương Thị Hào	399
298.	Lương Thị Hoa	681
299.	Lương Thị Thương	471
300.	Lương Thu Phương	2.119
301.	Luong An Vinh	1.185
302.	Lương Võ Anh Tú	323
303.	Lưu Hưng Chương	1.498
304.	Lưu Như Ngọc	2.547
305.	Lưu Thị Lựa	470
306.	Lưu Thị Thu Hiền	560
307.	Lưu Văn Kiêm	50
308.	Lưu Văn Thắng	1.287
309.	Lý Ngọc Phương Thanh	258
310.	Lý Quang Nguyên	634
311.	Lý Thị Thanh Vân	3.029
312.	Mai Đức Lâm	8.498
313.	Mai Hồng Diễm	258

314.	Mai Lan Hương	3.399
315.	Mai Nhật Hiếu	725
316.	Mai Thị Bích Ngọc	689
317.	Mai Thị Phượng	354
318.	Mai Thị Thùy Trang	230
319.	Mai Văn Cường	4.265
320.	Ngô Anh Tuấn	338
321.	Ngô Cao Bảo	6.462
322.	Ngô Đức Thuận	1.451
323.	Ngô Thị Hồng Phượng	179
324.	Ngô Thị Thanh Vân	468
325.	Ngô Thị Thu	370
326.	Ngô Thị Thủy	271
327.	Ngô Thị Thùy Vy	3.137
328.	Ngô Trần Hữu Nghĩa	2.153
329.	Ngô Trí Hiếu	327
330.	Ngô Trung Kiên	1.278
331.	Ngô Tuấn Anh	1.979
332.	Ngô Văn Độ	325
333.	Ngô Vương Thanh Thảo	661
334.	Ngô Xuân Hưng	7.032
335.	Ngô Xuân Thìn	368
336.	Nguyễn An Lương	101
337.	Nguyễn Anh Khoa	204
338.	Nguyễn Anh Phú	259
339.	Nguyễn Anh Tuấn	11.216
340.	Nguyễn Bá Quân	661
341.	Nguyễn Bảo Phúc	285
342.	Nguyễn Cao Khải	272
343.	Nguyễn Công Dũng	423
344.	Nguyễn Công Sang	313
345.	Nguyễn Công Thành	2.037
346.	Nguyễn Công Thành	46
347.	Nguyễn Đăng Châu	478
348.	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	1.567
349.	Nguyễn Đăng Khoa	4.885
350.	Nguyễn Đạt Luân	89
351.	Nguyễn Đình Huân	124
352.	Nguyễn Đình Huy	3.959
353.	Nguyễn Đình Ninh	435
354.	Nguyễn Đình Quyết	2.224
355.	Nguyễn Đình Thành	18.725
356.	Nguyễn Đình Ủy	494
357.	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	3.982
358.	Nguyễn Đức Duy	203
359.	Nguyễn Đức Hậu	303
360.	Nguyễn Đức Khoa	554
361.	Nguyễn Đức Linh	355
362.	Nguyễn Đức Phú	217
363.	Nguyễn Dũng Đô	16.030
364.	Nguyễn Duy Kha	574
365.	Nguyễn Duy Khoa	600
366.	Nguyễn Duy Thọ	695

367.	Nguyễn Duy Tiên	303
368.	Nguyễn Hải Hoàn	301
369.	Nguyễn Hạnh Nghi	4.062
370.	Nguyễn Hồ Hải	355
371.	Nguyễn Hoài Linh	1.484
372.	Nguyễn Hoàng Tâm	2.288
373.	Nguyễn Hoàng Tuấn	5.795
374.	Nguyễn Hoàng Yên	79.223
375.	Nguyễn Hồng Hà	532
376.	Nguyễn Hồng Quang	333
377.	Nguyễn Hồng Thoại	872
378.	Nguyễn Hương Trà	1.001
379.	Nguyễn Hữu Chính	1.314
380.	Nguyễn Hữu Đông	201
381.	Nguyễn Hữu Hoàng	1.468
382.	Nguyễn Hữu Phước	5.687
383.	Nguyễn Hữu Sang	198
384.	Nguyễn Hữu Tài	52
385.	Nguyễn Hữu Tân	169
386.	Nguyễn Hữu Thiện	444
387.	Nguyễn Hữu Thịnh	140
388.	Nguyễn Huy Hùng	20.557
389.	Nguyễn Huỳnh Khánh Duyên	590
390.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tâm	4.075
391.	Nguyễn Huỳnh Thanh Tâm	821
392.	Nguyễn Khắc Hùng	1.741
393.	Nguyễn Khắc Huy	192
394.	Nguyễn Khắc Huy	310
395.	Nguyễn Khắc Phương	171
396.	Nguyễn Khánh Trình	506
397.	Nguyễn Khoa Hoàng Thắng	132
398.	Nguyễn Kỳ Anh	5.574
399.	Nguyễn Lan Hương	1.197
400.	Nguyễn Lê Anh Tú	179
401.	Nguyễn Lê Hoài Trâm	50
402.	Nguyễn Lê Khánh Linh	483
403.	Nguyễn Long Hiếu	394
404.	Nguyễn Mạnh Thắng	880
405.	Nguyễn Mạnh Trung	538
406.	Nguyễn Minh Đăng	3.489
407.	Nguyễn Minh Khai	1.617
408.	Nguyễn Minh Khương	239
409.	Nguyễn Minh Trí	5.027
410.	Nguyễn Minh Triết	139
411.	Nguyễn Minh Tuấn	219
412.	Nguyễn Ngân Hương	230
413.	Nguyễn Ngọc Anh Tú	197
414.	Nguyễn Ngọc Bích Hồng	493
415.	Nguyễn Ngọc Duy Ân	1.451
416.	Nguyễn Ngọc Hải	137
417.	Nguyễn Ngọc Hồng	2.285
418.	Nguyễn Ngọc Lan	11.098
419.	Nguyễn Ngọc Long	11.001

420.	Nguyễn Ngọc Long	722
421.	Nguyễn Ngọc Phương Toàn	4.328
422.	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	419
423.	Nguyễn Ngọc Sang	97
424.	Nguyễn Ngọc Sơn	471
425.	Nguyễn Ngọc Thân	39
426.	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	1.451
427.	Nguyễn Ngọc Thanh Vi	184
428.	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	5.439
429.	Nguyễn Ngọc Tiến	5.631
430.	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	3.382
431.	Nguyễn Nguyên Khang	4.161
432.	Nguyễn Nhật Quang	545
433.	Nguyễn Nhật Tường	101
434.	Nguyễn Phan Duy Nguyên	123
435.	Nguyễn Phần Phú	4.792
436.	Nguyễn Phi Công	3.668
437.	Nguyễn Phi Giang	111
438.	Nguyễn Phi Hoàng Hạc	435
439.	Nguyễn Phúc Hậu	14.195
440.	Nguyễn Phước Thu Phương	5.728
441.	Nguyễn Phương Ngọc Hân	10.125
442.	Nguyễn Phương Viễn Vân	639
443.	Nguyễn Quang Dũng	2.262
444.	Nguyễn Quang Hải	1.665
445.	Nguyễn Quang Trung	403
446.	Nguyễn Quang Tuấn	700
447.	Nguyễn Quang Vinh	245
448.	Nguyễn Quốc Anh	274
449.	Nguyễn Quốc Chương	2.266
450.	Nguyễn Quốc Đạt	17.857
451.	Nguyễn Quốc Hoà	4.196
452.	Nguyễn Quốc Hòa	226
453.	Nguyễn Quốc Khánh	10.306
454.	Nguyễn Quốc Thiện Tâm	2.669
455.	Nguyễn Quốc Việt	533
456.	Nguyễn Ra Băng	4.357
457.	Nguyễn Sỹ Nguyên	2.749
458.	Nguyễn Tài Lộc	224
459.	Nguyễn Tấn Bình	2.601
460.	Nguyễn Tấn Định	560
461.	Nguyễn Tấn Ớn	3.805
462.	Nguyễn Tân Kỳ	9.589
463.	Nguyễn Tấn Thành	13.325
464.	Nguyễn Tấn Toàn	124
465.	Nguyễn Thái Thanh Tâm	441
466.	Nguyễn Thanh Bình	124
467.	Nguyễn Thanh Chung	385
468.	Nguyễn Thanh Hải	3.988
469.	Nguyễn Thanh Hòa	8.975
470.	Nguyễn Thanh Hoài	11.423
471.	Nguyễn Thành Luân	14.241
472.	Nguyễn Thành Phong	414

473.	Nguyễn Thanh Tâm	429
474.	Nguyễn Thanh Thủy	6.131
475.	Nguyễn Thành Trung	1.630
476.	Nguyễn Thanh Tú	464
477.	Nguyễn Thế Anh	493
478.	Nguyễn Thế Lực	962
479.	Nguyễn Thế Pháp	387
480.	Nguyễn Thế Phú	468
481.	Nguyễn Thị Ái Như	700
482.	Nguyễn Thị Ái Vân	8.917
483.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	3.145
484.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1.079
485.	Nguyễn Thị Bé Nhân	574
486.	Nguyễn Thị Bích Chi	1.152
487.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	3.930
488.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	132
489.	Nguyễn Thị Bích Quyên	426
490.	Nguyễn Thị Bích Thủy	477.770
491.	Nguyễn Thị Bích Trâm	580
492.	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	950
493.	Nguyễn Thị Diệp	980
494.	Nguyễn Thị Diệu My	116
495.	Nguyễn Thị Hạnh Linh	1.451
496.	Nguyễn Thị Hiếu	1.818
497.	Nguyễn Thị Hoa	7.215
498.	Nguyễn Thị Hoàng Linh	953
499.	Nguyễn Thị Hồng	374
500.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	240
501.	Nguyễn Thị Hồng Hiền	491
502.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	6.047
503.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3.652
504.	Nguyễn Thị Huệ	2.466
505.	Nguyễn Thị Hương	219
506.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	3.586
507.	Nguyễn Thị Kiều Trâm	607
508.	Nguyễn Thị Kim Anh	3.823
509.	Nguyễn Thị Kim Thoa	226
510.	Nguyễn Thị Kim Tuyền	5.167
511.	Nguyễn Thị Lan Hương	8.531
512.	Nguyễn Thị Liên Nga	2.286
513.	Nguyễn Thị Mai	2.182
514.	Nguyễn Thị Mai	3.289
515.	Nguyễn Thị Mai	1.842
516.	Nguyễn Thị Mai Dung	663
517.	Nguyễn Thị Mai Trang	3.637
518.	Nguyễn Thị Minh Hương	629
519.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	1.626
520.	Nguyễn Thị Mỹ	3.569
521.	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	493
522.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	615
523.	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	6.237
524.	Nguyễn Thị Nga	139
525.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	406

526.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	10.802
527.	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	2.398
528.	Nguyễn Thị Ngọc Hân	403
529.	Nguyễn Thị Ngọc Sa	349
530.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	819
531.	Nguyễn Thị Nhã Uyên	300
532.	Nguyễn Thị Phước Hằng	2.848
533.	Nguyễn Thị Phương	1.057
534.	Nguyễn Thị Phương Anh	964
535.	Nguyễn Thị Phương Thảo	1.789
536.	Nguyễn Thị Phương Trinh	293
537.	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	1.879
538.	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	1.001
539.	Nguyễn Thị Quỳnh Như	1.540
540.	Nguyễn Thị Sang	680
541.	Nguyễn Thị Thắm	1.469
542.	Nguyễn Thị Thanh	6.501
543.	Nguyễn Thị Thanh Dung	2.061
544.	Nguyễn Thị Thanh Hiền	258
545.	Nguyễn Thị Thanh Ngân	1.876
546.	Nguyễn Thị Thanh Thu	635
547.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	359
548.	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	484
549.	Nguyễn Thị Thu	3.295
550.	Nguyễn Thị Thu	359
551.	Nguyễn Thị Thu Duyên	3.781
552.	Nguyễn Thị Thu Hiền	4.204
553.	Nguyễn Thị Thu Hoàn	410
554.	Nguyễn Thị Thu Thùy	10.323
555.	Nguyễn Thị Thu Trang	432
556.	Nguyễn Thị Thu Yến	1.001
557.	Nguyễn Thị Thùy	4.392
558.	Nguyễn Thị Thuý Hằng	197
559.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	4.051
560.	Nguyễn Thị Thùy Linh	1.265
561.	Nguyễn Thị Thùy Linh	467
562.	Nguyễn Thị Thùy Linh	361
563.	Nguyễn Thị Thùy Trang	148
564.	Nguyễn Thị Tú Nguyên	2.031
565.	Nguyễn Thị Tú Quyên	3.634
566.	Nguyễn Thị Tường Vy	3.301
567.	Nguyễn Thị Tường Vy	518
568.	Nguyễn Thị Tường Vy	3.363
569.	Nguyễn Thị Tuyền	370
570.	Nguyễn Thị Tuyết Sương	1.625
571.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	127
572.	Nguyễn Thị Xanh	368
573.	Nguyễn Thị Xuân Yên	7.802
574.	Nguyễn Thiên Bửu	4.299
575.	Nguyễn Thiên Hương	536
576.	Nguyễn Thục Kỳ Mây	2.553
577.	Nguyễn Thùy Giao	20.234
578.	Nguyễn Thụy Hào	1.770

579.	Nguyễn Trần Diễm Minh	348
580.	Nguyễn Trần Hồng Hạnh	130
581.	Nguyễn Trần Mỹ Tiên	3.218
582.	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	612
583.	Nguyễn Trí Cao Sơn	113
584.	Nguyễn Trọng Quý	4.202
585.	Nguyễn Trung	1.140
586.	Nguyễn Trung Đức	322
587.	Nguyễn Trung Hòa	1.004
588.	Nguyễn Trung Kiên	564
589.	Nguyễn Trung Kiên	4.992
590.	Nguyễn Trung Thạch	1.481
591.	Nguyễn Trung Thành	446
592.	Nguyễn Trương Kim Phụng	32.013
593.	Nguyễn Trường Sinh	2.902
594.	Nguyễn Trường Sinh	345
595.	Nguyễn Tuấn Huy	374
596.	Nguyễn Văn Anh Duy	2.434
597.	Nguyễn Văn Bình	4.180
598.	Nguyễn Văn Công	2.902
599.	Nguyễn Văn Đông	914
600.	Nguyễn Văn Du	581
601.	Nguyễn Văn Hà	1.884
602.	Nguyễn Văn Hải	496
603.	Nguyễn Văn Hóa	280
604.	Nguyễn Văn Hoàn	8.446
605.	Nguyễn Văn Hùng	1.069
606.	Nguyễn Văn Huy	1.910
607.	Nguyễn Văn Khoa	3.337
608.	Nguyễn Văn Long	322
609.	Nguyễn Văn Nam	2.829
610.	Nguyễn Văn Nhó	139
611.	Nguyễn Văn Phú	2.661
612.	Nguyễn Văn Quận	451
613.	Nguyễn Văn Sinh	362
614.	Nguyễn Văn Tấn	1.523
615.	Nguyễn Văn Thắng	259
616.	Nguyễn Văn Thao	2.428
617.	Nguyễn Văn Thảo	2.878
618.	Nguyễn Văn Thi	235
619.	Nguyễn Văn Tường	2.771
620.	Nguyễn Văn Vinh	3.489
621.	Nguyễn Văn Vương	2.006
622.	Nguyễn Việt Bình	404
623.	Nguyễn Việt Cường	2.640
624.	Nguyễn Việt Hoàng	150
625.	Nguyễn Việt Quang	515
626.	Nguyễn Việt Trung	3.994
627.	Nguyễn Vũ Quang	285
628.	Nguyễn Vũ Quyền	1.365
629.	Nguyễn Vũ Tú Vy	11.065
630.	Nguyễn Xuân Chung	697
631.	Nguyễn Xuân Hà	15.569

632.	Nguyễn Xuân Nam	542
633.	Nguyễn Xuân Sáng	358
634.	Nguyễn Xuân Thành	133
635.	Nguyễn Ý Đạt Kim	2.902
636.	Nhâm Sỹ Quyền	4.093
637.	Ông Chí Cường	580
638.	Phạm Bùi Hoàng Long	404
639.	Phạm Chánh Tín	230
640.	Phạm Chiêu Linh	414
641.	Phạm Duy Khương	291
642.	Phạm Hoàng Khánh	2.623
643.	Phạm Hoàng Vũ	271
644.	Phạm Hồng Sơn	72.979
645.	Phạm Hữu Luyện	745
646.	Phạm Hữu Nhở	1.157
647.	Phạm Huy Lâm	912
648.	Phạm Huỳnh Hòa	512
649.	Phạm Lai Vũ Hoàng	10.432
650.	Phạm Minh Đức	1.044
651.	Phạm Minh Đức	3.888
652.	Phạm Minh Hòa	368
653.	Phạm Minh Quốc	3.559
654.	Phạm Minh Tuấn	340
655.	Phạm Ngọc Ân	784
656.	Phạm Ngọc Quỳnh Dung	7.284
657.	Phạm Ngọc Thủy	967
658.	Phạm Ngọc Trâm	446
659.	Phạm Nguyễn Yến Quỳnh	1.451
660.	Phạm Phú Vinh	313
661.	Phạm Quang Huy	356
662.	Phạm Quốc Cường	413
663.	Phạm Quốc Hưng	851
664.	Phạm Quốc Huy	20.261
665.	Phạm Sĩ Phương	7.926
666.	Phạm Tấn Bảo	396
667.	Phạm Thanh Lâm	397
668.	Phạm Thế Mạnh	507
669.	Phạm Thị Anh	19.764
670.	Phạm Thị Cẩm Tú	1.870
671.	Phạm Thị Cẩm Tú	391
672.	Phạm Thị Hóa	3.617
673.	Phạm Thị Hoài Hương	3.451
674.	Phạm Thị Kim Yến	166
675.	Phạm Thị Liên	928
676.	Phạm Thị Mỹ Thương	979
677.	Phạm Thị Phê	188
678.	Phạm Thị Quý Hiền	32.408
679.	Phạm Thị Thanh Thư	1.797
680.	Phạm Thị Thu Hằng	5.191
681.	Phạm Thị Thu Hương	1.453
682.	Phạm Thị Thu Loan	132
683.	Phạm Thị Thùy Dương	4.852
684.	Phạm Thị Thúy Hằng	216

685.	Phạm Thu Hiền	117
686.	Phạm Trần Thùy Vi	650
687.	Phạm Văn Anh	285
688.	Phạm Văn Bình	198
689.	Phạm Văn Cương	2.574
690.	Phạm Văn Hùng	314.054
691.	Phạm Văn Nghiêm	423
692.	Phạm Văn Phú Dương	137
693.	Phạm Văn Tài	359
694.	Phạm Văn Thắng	3.187
695.	Phạm Văn Thanh	14.557
696.	Phạm Văn Thuyết	220
697.	Phan Đình Trọng	4.168
698.	Phan Đình Vương	4.132
699.	Phan Hoàng Thẩm	2.405
700.	Phan Hoàng Thúy Vy	401
701.	Phan Hoàng Trung Hiếu	625
702.	Phan Ngọc Châu	7.642
703.	Phan Ngọc Sơn	1.970
704.	Phan Nhất Long	2.407
705.	Phan Thanh Khương	214
706.	Phan Thành Phát	930
707.	Phan Thành Tâm	12.610
708.	Phan Thị Hoàng Nga	3.324
709.	Phan Thị Kim Ngân	2.902
710.	Phan Thị Lại	1.831
711.	Phan Thị Mỹ Nhiên	1.950
712.	Phan Thị Quyên	664
713.	Phan Thị Thúy Hoa	28.252
714.	Phan Trọng Chinh	3.708
715.	Phan Tuấn Anh	2.846
716.	Phan Văn Đạt	172
717.	Phan Văn Huy	1.451
718.	Phan Văn Sơn	330
719.	Phang Ngọc Trân	1.198
720.	Phùng Anh Minh	531
721.	Phùng Hà Tuyên	1.443
722.	Phùng Thị Thu Thủy	1.451
723.	Phùng Thị Yến	2.407
724.	Phùng Trọng Hiếu	12.915
725.	Phùng Trung Dũng	3.573
726.	Phùng Văn Dương	864
727.	Tạ Hữu Kiên	2.859
728.	Tạ Minh Anh	597
729.	Tạ Minh Phúc	3.859
730.	Tạ Quang Nam	2.092
731.	Tạ Văn Hiệu	124
732.	Tạ Văn Thành	538
733.	Tammy Thi Phan	1.654
734.	Tăng Mỹ Thuần	309
735.	Tăng Vũ Thắng	465
736.	Tất Thiệu Văn	621
737.	Thái Minh Hoàng	5.301

738.	Thái Thị Ngọc Duyên	594
739.	Thái Văn Đước	198
740.	Thái Việt Nga	2.428
741.	Tô Quốc Cường	449
742.	Trần Bảo Hoàng	815
743.	Trần Bích Hạnh	3.541
744.	Trần Đăng Khoa	459
745.	Trần Diệu Oanh	7.227
746.	Trần Đình Bá	301
747.	Trần Đình Duy	782
748.	Trần Đỗ Ngọc Linh	435
749.	Trần Đức Nhân	503
750.	Trần Dương	1.036
751.	Trần Gia Hân	548
752.	Trần Hà	1.760
753.	Trần Hoài Việt	2.549
754.	Trần Hoàng Việt	319
755.	Trần Hoàng Vũ	7.327
756.	Trần Hồng Phúc	590
757.	Trần Huyền Lê	171
758.	Trần Kiệt Lanh	349
759.	Trần Kim Huệ	290
760.	Trần Kim Sang	615
761.	Trần Lâm Anh Tuấn	3.209
762.	Trần Lâm Thành	4.717
763.	Trần Mạnh Cường	15.505
764.	Trần Minh Phận	129
765.	Trần Minh Phú	531
766.	Trần Minh Thiên	1.677
767.	Trần Minh Thư	313
768.	Trần Ngọc Ân	1.398
769.	Trần Nguyễn Bảo Khoa	129
770.	Trần Nguyễn Minh Hào	3.653
771.	Trần Nguyễn Quang Bình	497
772.	Trần Nguyễn Vũ	11.039
773.	Trần Nhật Nha Trang	860
774.	Trần Phạm Thảo Vi	181
775.	Trần Phú Quý	439
776.	Trần Quang Vinh	313
777.	Trần Quế Nhi	1.990
778.	Trần Quốc Anh	1.169
779.	Trần Quốc Bảo Thy	50
780.	Trần Quốc Cường	3.150
781.	Trần Sỹ Nam	211
782.	Trần Thanh Liên	835
783.	Trần Thanh Vinh	757
784.	Trần Thế Trọng	317
785.	Trần Thị Bích Thủy	2.186
786.	Trần Thị Bích Vân	464
787.	Trần Thị Cẩm Quyên	626
788.	Trần Thị Châu	23.889
789.	Trần Thị Diễm Thu	4.434
790.	Trần Thị Kim Tuyền	297

791.	Trần Thị Mai Lam	441
792.	Trần Thị Mỹ Huê	734
793.	Trần Thị Ngọc Trâm	3.234
794.	Trần Thị Ngọc Tuyền	7.520
795.	Trần Thị Ngọc Tuyền	13.890
796.	Trần Thị Phụng	2.308
797.	Trần Thị Phương Mai	294
798.	Trần Thị Thanh Dịu	2.801
799.	Trần Thị Thanh Hiền	1.735
800.	Trần Thị Thanh Huyền	6.742
801.	Trần Thị Thanh Tâm	1.060
802.	Trần Thị Thanh Xuân	307
803.	Trần Thị Thu Hà	356
804.	Trần Thị Thu Hương	6.622
805.	Trần Thị Thu Trang	7.037
806.	Trần Thị Việt Hà	660
807.	Trần Thị Xuân Hiếu	1.294
808.	Trần Thị Xuân Hương	72
809.	Trần Thị Yến Phi	1.863
810.	Trần Thiện Phương	528
811.	Trần Thu Phương	457
812.	Trần Thư Tín	451
813.	Trần Thuận Phong	500
814.	Trần Thục Bảo Trân	8.000
815.	Trần Thượng Trung	603
816.	Trần Thùy Chi	515
817.	Trần Thụy Quế Thanh	325
818.	Trần Tú Trinh	2.324
819.	Trần Tuấn Cường	26.712
820.	Trần Uyên Trâm	8.575
821.	Trần Văn Địch	536
822.	Trần Văn Đức	3.893
823.	Trần Văn Dương	2.621
824.	Trần Văn Hiến	113
825.	Trần Văn Lộc	1.741
826.	Trần Văn Na	737
827.	Trần Văn Nam	340
828.	Trần Văn Nghị	1.308
829.	Trần Văn Nguyễn	661
830.	Trần Văn Sơn	248
831.	Trần Văn Tiên	2.793
832.	Trần Văn Tiến	377
833.	Trần Văn Tuấn	343
834.	Trần Vĩ Dân	1.902
835.	Trần Việt Hoàn Thiện	3.074
836.	Trần Vinh Hiến	738
837.	Trang Mỹ Khuôn	2.665
838.	Trang Ngọc Trâm	354
839.	Trang Ngọc Uyên Phương	8.392
840.	Trang Thanh Nguyên	1.320
841.	Trịnh Hữu Kiên	325
842.	Trịnh Hữu Vinh	657
843.	Trịnh Ngọc Đào	445

844.	Trịnh Quang Duy	838
845.	Trịnh Thị Lan	464
846.	Trương Bích Như	3.417
847.	Trương Công Thắng	66.360
848.	Trương Gia Huy	182
849.	Trương Hoàng Khánh	2.375
850.	Trương Hồng Quân	3.858
851.	Trương Minh Thắng	877
852.	Trương Minh Vũ	948
853.	Trương Ngọc Ánh	3.808
854.	Trương Nguyễn Anh Thy	470
855.	Trương Quốc Thanh	8.793
856.	Trương Quốc Toàn	65
857.	Trương Tấn Lực	531
858.	Trương Thị Hải Hòa	3.370
859.	Trương Thị Mỹ Hạnh	123
860.	Trương Thị Mỹ Ly	2.353
861.	Trương Thị Phương Nhu	834
862.	Trương Thị Thu Duyên	3.586
863.	Trương Thị Xuân Mai	860
864.	Trương Vĩnh Thịnh	168
865.	Võ Chí Sĩ	526
866.	Võ Hồ Ánh Thi	1.568
867.	Võ Khắc Trung	222
868.	Võ Minh Hoàng	11.370
869.	Võ Phạm Duy Phương	133
870.	Võ Phúc	610
871.	Võ Quang	266
872.	Võ Tá Anh	606
873.	Võ Tấn Công Danh	3.192
874.	Võ Thanh Liêm	1.850
875.	Võ Thành Tân	3.538
876.	Võ Thị Hồng Thủy	845
877.	Võ Thị Kim Thái	397
878.	Võ Thị Lệ Thu	224
879.	Võ Thị Thanh Trang	464
880.	Võ Thị Thùy Huyền	658
881.	Võ Trần Trọng Nhân	9.405
882.	Võ Văn Giàu	1.276
883.	Võ Văn Hoàng Đạt	483
884.	Voòng Sau Nhộc	674
885.	Vũ Đức Bình	2.250
886.	Vũ Đức Thuật	1.491
887.	Vũ Duy Sơn	2.568
888.	Vũ Hải Khương	7.249
889.	Vũ Hoàng Chương	145
890.	Vũ Minh Quân	4.969
891.	Vũ Quốc Trương	438
892.	Vũ Quốc Tuấn	42.611
893.	Vũ Thanh Bình	340.288
894.	Vũ Thanh Loan	507
895.	Vũ Thế Cường	349
896.	Vũ Thị Đông Hạ	854

897.	Vũ Thị Dung	4.071
898.	Vũ Thị Hằng	1.865
899.	Vũ Thị Hiền	577
900.	Vũ Thị Hiền	261
901.	Vũ Thị Kim Chi	462
902.	Vũ Thị Kim Ngân	248
903.	Vũ Thị Kim Thu	3.385
904.	Vũ Thị Lan	438
905.	Vũ Thị Mai Hương	6.046
906.	Vũ Thị Ngọc Bích	2.664
907.	Vũ Thị Thúy	1.704
908.	Vũ Thị Tươi	539
909.	Vũ Thụy Khanh	3.538
910.	Vũ Xuân Đạt	580
911.	Vương Dịu Ái	483
912.	Vương Minh Tân	309
913.	Vương Nguyễn Linh Chi	163
914.	Vương Trung Hiếu	168
Tổng cộng		5.255.924



Số: 28072025/XNSD - VPB

(V/v: xác nhận số dư tài khoản)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**
Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là VPBank) kính gửi đến Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (gọi tắt là Công ty) lời chào trân trọng.

Bằng công văn này, VPBank xin xác nhận đến Quý Công ty về số tài khoản **50199686868** của Công ty đến 17 giờ 00 ngày 28/07/2025 đã nhận được tổng số tiền **52.559.240.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ năm trăm năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty.

VPBank cung cấp cho Công ty thông tin về số dư tài khoản phong tỏa **50199686868** của Công ty tại VPBank vào 17h00 ngày 28/07/2025 như sau:

Số tài khoản	Số dư tài khoản
50199686868	52.559.240.000 đồng

VPBank chỉ giải tỏa số tiền nêu trên sau khi (i) VPBank đã nhận được từ Công ty báo cáo kết quả của đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, và (ii) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được Báo cáo kết quả của đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

TM. NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG



PHÓ GIÁM ĐỐC XÁC NHẬN GIAO DỊCH

Phạm Lệ Thu